

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014



Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101449271 ngày 30 tháng 6 năm 2014

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101449271 ngày 30 tháng 6 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Ngọc Lý	Thành viên
	Ông Trần Đình Long	Thành viên
	Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên
	Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 1, Phố Lương Định Của, Phường Phương Mai
Quận Đống Đa, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 13-08-2014



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2014 được trình bày từ trang 4 đến trang 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong báo cáo kiểm toán ngày 17 tháng 3 năm 2014 và đã đưa ra kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 trong báo cáo soát xét ngày 13 tháng 8 năm 2013.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 14-02-120-1a



Đàm Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Tâm Anh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		461.547.224.701	337.330.417.679
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	130.403.413.121	53.318.123.331
Tiền	111		30.403.413.121	23.999.619.783
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	29.318.503.548
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	139.845.205.087	126.740.959.945
Phải thu khách hàng	131		129.667.607.770	122.895.519.969
Trả trước cho người bán	132		7.297.502.910	3.256.975.404
Các khoản phải thu khác	135		5.574.151.382	3.247.473.347
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.694.056.975)	(2.659.008.775)
Hàng tồn kho	140	6	173.605.655.872	155.520.514.705
Hàng tồn kho	141		175.159.361.837	156.717.897.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.553.705.965)	(1.197.382.793)
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.692.950.621	1.750.819.698
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		518.856.581	1.109.348.198
Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	17.155.094.040	641.471.500
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		340.267.908.964	103.880.349.607
Tài sản cố định	220		65.174.391.956	65.363.166.422
Tài sản cố định hữu hình	221	8	49.857.690.291	53.990.790.091
Nguyên giá	222		88.755.663.836	89.315.936.828
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.897.973.545)	(35.325.146.737)
Tài sản cố định vô hình	227	9	6.694.787.001	5.737.453.667
Nguyên giá	228		10.751.787.000	9.066.787.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.056.999.999)	(3.329.333.333)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	8.621.914.664	5.634.922.664
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	274.234.732.413	36.799.614.000
Đầu tư vào công ty con	251		36.581.138.000	30.608.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		226.435.521.713	3.258.288.000
Đầu tư dài hạn khác	258		12.242.080.000	3.944.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.024.007.300)	(1.010.674.000)
Tài sản dài hạn khác	260		858.784.595	1.717.569.185
Chi phí trả trước dài hạn	261		858.784.595	1.717.569.185
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		801.815.133.665	441.210.767.286

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		108.869.541.074	110.405.127.091
Nợ ngắn hạn	310		108.869.541.074	110.405.127.091
Phải trả người bán	312		43.969.583.125	54.334.576.285
Người mua trả tiền trước	313		2.482.225.954	8.593.330.985
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.757.640.926	3.059.649.686
Phải trả người lao động	315		33.926.987.250	24.071.053.935
Chi phí phải trả	316		1.005.015.601	713.830.040
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	13	5.387.800.201	5.119.776.220
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	14	20.340.288.017	14.512.909.940
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		692.945.592.591	330.805.640.195
Vốn chủ sở hữu	410	15	692.945.592.591	330.805.640.195
Vốn cổ phần	411	16	152.950.000.000	100.298.380.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	331.245.527.850	54.797.592.850
Quỹ đầu tư phát triển	417	18	125.824.261.536	76.838.935.113
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	17.703.420.031	12.930.408.716
Lợi nhuận chưa phân phối	420		64.960.255.174	85.678.195.516
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		262.128.000	262.128.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		801.815.133.665	441.210.767.286

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba - VND	2.006.386.527	2.221.386.527
Nợ khó đòi đã xử lý - VND	208.213.500	208.213.500
Ngoại tệ - USD	21.901	30.018
Ngoại tệ - CNY	89.804	41.521
Ngoại tệ - LAK	1.000.000	1.000.000

Người lập:



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Phan Thế Tỷ
Kế toán trưởng



Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

13 -08- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	19	381.589.551.508	322.487.142.793
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	16.140.404.000	23.743.158.310
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	19	365.449.147.508	298.743.984.483
Giá vốn hàng bán	11		223.124.173.458	182.645.221.867
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		142.324.974.050	116.098.762.616
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.653.705.295	2.926.179.899
Chi phí tài chính	22		201.511.039	(187.591.444)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.000.000	4.655.517
Chi phí bán hàng	24		54.629.764.260	41.231.463.335
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.513.571.795	23.374.633.126
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		59.633.832.251	54.606.437.498
Thu nhập khác	31		372.581.107	478.028.417
Chi phí khác	32		558.948.635	203.622.414
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(186.367.528)	274.406.003
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59.447.464.723	54.880.843.501
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	297.205.759	728.694.025
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		59.150.258.964	54.152.149.476

Người lập:



Nguyễn Thị Như Quỳnh
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Phan Thế Tỷ
 Kế toán trưởng



Trần Kim Liên
 Tổng Giám đốc

13 -08- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		334.354.874.771	300.233.448.250
Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(261.480.547.904)	(200.500.689.757)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.533.664.914)	(20.607.578.613)
Tiền chi trả lãi vay	04		(14.000.000)	(4.655.517)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(578.464.505)	(1.213.238.509)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		23.100.188.802	8.882.574.658
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(58.963.415.677)	(31.306.469.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.884.970.573	55.483.391.223
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.353.156.000)	(2.003.691.150)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		236.749.895	2.675.030.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(236.885.640.103)	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		1.097.346.080	2.417.295.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(244.904.700.128)	3.088.634.657

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		329.231.825.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	33		(102.270.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		103.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(103.000.000.000)	(93.481.000)
Tiền trả cổ tức	36		(15.029.268.000)	(242.654.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		314.100.287.000	(336.135.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		77.080.557.445	58.235.890.880
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		53.318.123.331	48.060.892.598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		4.732.345	101.476.489
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	130.403.413.121	106.398.259.967

Người lập:

Nguyễn Thị Như Quỳnh
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:

Phan Thế Tý
 Kế toán trưởng



Trần Kim Liên
 Tổng Giám đốc

13-08-2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a– DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 2 năm 2004 và sửa đổi bổ sung theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101449271 thay đổi lần thứ 10 ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Hoạt động chính của Công ty là trồng trọt, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; và kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có mạng lưới hoạt động như sau:

Chi nhánh/Xí nghiệp/Trung tâm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Miền Trung và Tây Nguyên;
- Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì;
- Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Đồng Văn;
- Nhà máy chế biến giống Thường Tín;
- Trại thực nghiệm Giống cây trồng Trung ương Khoái Châu; và
- Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương.

Văn phòng đại diện:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương tại Tỉnh Udonxay – Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; và
- Văn phòng đại diện tại Tây Ninh.

Công ty con:

- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; và
- Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam.

Công ty liên kết:

- Công ty Giống cây trồng Miền Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 298 nhân viên (31/12/2013: 297 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không được phân bổ do không có thời hạn sử dụng.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(iii) Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại giữa niên độ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu các bên đều dưới quyền kiểm soát chung hoặc chịu cùng ảnh hưởng đáng kể như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên có liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	11.990.726.819	4.512.914.703
Tiền gửi ngân hàng	18.412.686.302	19.486.705.080
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	29.318.503.548
	130.403.413.121	53.318.123.331

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các công ty con		
Thương mại	2.470.583.555	2.167.948.767

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con có thể thu được khi có nhu cầu.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí trả hộ Cục dự trữ quốc gia	1.701.672.977	1.620.140.977
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	106.666.400	-
Phải thu Quỹ Thách thức Doanh nghiệp Việt Nam cho Dự án giống lúa Japonica	1.943.873.400	-
Phí quản lý trả trước cho công ty quản lý quỹ	382.875.000	-
Chi phí giống ứng trước	679.567.328	40.249.158
Phải thu khác	759.496.277	1.587.083.212
	5.574.151.382	3.247.473.347

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

6. Hàng tồn kho

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên vật liệu	17.132.123.217	12.243.277.308
Công cụ và dụng cụ	7.820.000	22.113.760
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.700.177.295	2.734.604.670
Thành phẩm	151.506.544.268	110.835.144.707
Hàng hóa	4.812.697.057	30.882.757.053
	175.159.361.837	156.717.897.498
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.553.705.965)	(1.197.382.793)
	173.605.655.872	155.520.514.705

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014	Năm kết thúc ngày 31/12/2013
Số dư đầu kỳ	1.197.382.793	1.176.801.879
Tăng dự phòng trong kỳ	356.323.172	1.124.658.020
Hoàn nhập	-	(1.104.077.106)
Số dư cuối kỳ	1.553.705.965	1.197.382.793

7. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng cho nhân viên để mua cổ phiếu	14.232.990.000	-
Tạm ứng khác	1.434.944.040	641.471.500
Đặt cọc để mua cổ phiếu	1.487.160.000	-
	17.155.094.040	641.471.500

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	45.376.756.960	665.563.000	29.121.856.145	14.151.760.723	89.315.936.828
Tăng trong kỳ	-	-	-	35.000.000	35.000.000
Xóa sổ	(595.272.992)	-	-	-	(595.272.992)
Số dư cuối kỳ	44.781.483.968	665.563.000	29.121.856.145	14.186.760.723	88.755.663.836
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	15.165.024.469	501.709.527	14.596.539.012	5.061.873.729	35.325.146.737
Khấu hao trong kỳ	1.307.236.754	33.009.094	2.023.171.504	721.285.944	4.084.703.296
Xóa sổ	(511.876.488)	-	-	-	(511.876.488)
Số dư cuối kỳ	15.960.384.735	534.718.621	16.619.710.516	5.783.159.673	38.897.973.545
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	30.211.732.491	163.853.473	14.525.317.133	9.089.886.994	53.990.790.091
Số dư cuối kỳ	28.821.099.233	130.844.379	12.502.145.629	8.403.601.050	49.857.690.291

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 8.258 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 6.803 triệu VND).

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	2.395.787.000	6.600.000.000	71.000.000	9.066.787.000
Tăng trong kỳ	-	1.685.000.000	-	1.685.000.000
Số dư cuối kỳ	2.395.787.000	8.285.000.000	71.000.000	10.751.787.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	120.000.000	3.138.333.333	71.000.000	3.329.333.333
Khấu hao trong kỳ	-	727.666.666	-	727.666.666
Số dư cuối kỳ	120.000.000	3.865.999.999	71.000.000	4.056.999.999
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	2.275.787.000	3.461.666.667	-	5.737.453.667
Số dư cuối kỳ	2.275.787.000	4.419.000.001	-	6.694.787.001

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.691 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (31/12/2013: 1.691 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	5.634.922.664	5.124.702.591
Tăng trong kỳ/năm	2.986.992.000	2.900.884.000
Xóa sổ	-	(2.390.663.927)
Số dư cuối kỳ/năm	8.621.914.664	5.634.922.664

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Kho dự trữ Quốc gia	262.128.000	262.128.000
Dự án Phương Mai – Nhà cao tầng	2.113.446.664	2.113.446.664
Dự án Phương Mai – Văn phòng làm việc	5.887.876.000	2.900.884.000
Công trình khác	358.464.000	358.464.000
Tổng cộng	8.621.914.664	5.634.922.664

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính

	Số lượng	% vốn sở hữu	30/6/2014 % quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	31/12/2013 % quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:								
▪ Công ty con								
• Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	30.608	53,8%	53,8%	30.608.000.000	30.608	53,8%	53,8%	30.608.000.000
• Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (*)	390.560	78,1%	78,1%	5.973.138.000	-	-	-	-
				<u>36.581.138.000</u>				<u>30.608.000.000</u>
▪ Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (*)	-	-	-	-	208.650	41,73%	41,73%	3.258.288.000
• Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	3.688.517	24,7%	24,7%	226.435.521.713	-	-	-	-
				<u>226.435.521.713</u>				<u>3.258.288.000</u>
Các khoản đầu tư dài hạn khác				12.242.080.000				3.944.000.000
				<u>275.258.739.713</u>				<u>37.810.288.000</u>
				(1.024.007.300)				(1.010.674.000)
				<u>274.234.732.413</u>				<u>36.799.614.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn								

(*) Trong kỳ, Công ty mua thêm 181.910 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam, tăng phần vốn sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty từ 41,73% lên 78,1%. Theo đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam được chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư vào công ty con.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.010.674.000	2.304.004.100
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	106.666.400	-
Hoàn nhập	(93.333.100)	(1.293.330.100)
Số dư cuối kỳ/năm	1.024.007.300	1.010.674.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	60.202.695	78.412.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp	202.334.277	483.593.023
Thuế thu nhập cá nhân	1.049.304.502	2.011.697.313
Các loại thuế khác	445.799.452	485.946.450
	1.757.640.926	3.059.649.686

13. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Quỹ hỗ trợ mua giống gốc phải trả Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	984.550.275	970.720.275
Chi phí nghiên cứu giống gốc phải trả Ban quản lý dự án khuyến nông	333.400.000	-
Bảo hiểm xã hội	32.849.512	108.554.229
Kinh phí công đoàn	986.364.017	595.611.635
Các khoản phải trả khác	3.050.636.397	3.444.890.081
	5.387.800.201	5.119.776.220

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

14. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	14.512.909.940	9.925.026.356
Trích lập trong kỳ/năm	9.482.794.308	8.947.023.769
Sử dụng trong kỳ/năm	(3.655.416.231)	(4.359.140.185)
 Số dư cuối kỳ/năm	 20.340.288.017	 14.512.909.940

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	100.298.380.000	54.797.592.850	-	56.510.684.637	9.050.259.782	51.864.299.376	262.128.000	272.783.344.645
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	54.152.149.476	-	54.152.149.476
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	20.318.650.476	3.880.148.934	(24.198.799.410)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban điều hành	-	-	-	-	-	(8.947.023.769)	-	(8.947.023.769)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(15.045.027.500)	-	(15.045.027.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành	-	-	-	-	-	(520.000.000)	-	(520.000.000)
Tăng khác	-	-	-	9.600.000	-	-	-	9.600.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	100.298.380.000	54.797.592.850	-	76.838.935.113	12.930.408.716	57.305.598.173	262.128.000	302.433.042.852



Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	100.298.380.000	54.797.592.850	-	76.838.935.113	12.930.408.716	85.678.195.516	262.128.000	330.805.640.195
Phát hành cổ phiếu	52.651.620.000	276.447.935.000	-	-	-	-	-	329.099.555.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	59.150.258.964	-	59.150.258.964
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	102.270.000	-	-	-	-	102.270.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	(102.270.000)	-	-	-	-	(102.270.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	50.447.977.183	4.773.011.315	(55.220.988.498)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.482.794.308)	-	(9.482.794.308)
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	-	(15.029.416.500)	-	(15.029.416.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành	-	-	-	-	-	(135.000.000)	-	(135.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(1.462.650.760)	-	-	-	(1.462.650.760)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	152.950.000.000	331.245.527.850	-	125.824.261.536	17.703.420.031	64.960.255.174	262.128.000	692.945.592.591

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.295.000	152.950.000.000	10.029.838	100.298.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	152.950.000.000	10.029.838	100.298.380.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	152.950.000.000	10.029.838	100.298.380.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn 6 tháng		Năm kết thúc	
	kết thúc ngày 30/6/2014		ngày 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
		(Theo mệnh giá)		(Theo mệnh giá)
Số dư đầu kỳ/năm	10.029.838	100.298.380.000	10.029.838	100.298.380.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ/năm	5.265.162	52.651.620.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ/năm	10.227	102.270.000	-	-
Cổ phiếu quỹ bán ra trong kỳ/năm	(10.227)	(102.270.000)	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	15.295.000	152.950.000.000	10.029.838	100.298.380.000

17. Cổ tức

Ngày 1 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông bằng tiền mặt với số tiền là 15.029 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu). Phương án trả cổ tức này được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

18. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích bù đắp các tổn thất về tài chính trong tương lai.

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	381.589.551.508	322.487.142.793
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(356.384.600)	(196.517.000)
▪ Hàng bán bị trả lại	(15.784.019.400)	(23.546.641.310)
Doanh thu thuần	365.449.147.508	298.743.984.483

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.188.665.742	2.365.583.410
Cổ tức và lợi nhuận được chia	106.666.400	459.120.000
Lãi từ thanh lý đầu tư ngắn hạn	20.338.265	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	338.034.888	101.476.489
	1.653.705.295	2.926.179.899

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

21. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	297.205.759	728.694.025

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	59.447.464.723	54.880.843.501
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.944.746.472	5.488.084.350
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	99.510.289
Thu nhập không bị tính thuế	(10.666.640)	(217.860.600)
Ưu đãi thuế	(5.809.652.945)	(5.149.266.616)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	172.778.872	508.226.602
	297.205.759	728.694.025

(c) Thuế suất áp dụng

Ngày 1 tháng 3 năm 2011, Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương. Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2011 (năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế kể từ khi Công ty được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế trong 4 năm (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Các ưu đãi trên được áp dụng với điều kiện tỷ lệ doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trên tổng doanh thu của Công ty trong năm thứ nhất đạt từ 30% trở lên, năm thứ hai đạt từ 50% trở lên và từ năm thứ ba trở đi đạt từ 70% trở lên. Trong thời gian được hưởng ưu đãi về thuế TNDN, năm nào Công ty đạt điều kiện về tỷ lệ doanh thu nêu trên thì được hưởng ưu đãi, năm nào không đạt điều kiện về tỷ lệ doanh thu thì không được ưu đãi và phải nộp thuế TNDN theo mức thuế suất hiện hành. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% (giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 25%).

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

22. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	118.412.686.302	48.805.208.628
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	132.393.499.452	123.483.984.541
		<u>250.806.185.754</u>	<u>172.289.193.169</u>

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	2.659.008.775	2.660.083.475
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	35.048.200	-
Hoàn nhập	-	(1.074.700)
Số dư cuối kỳ/năm	2.694.056.975	2.659.008.775

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a– DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
30/6/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	46.038.008.047	46.038.008.047	46.038.008.047
Chi phí phải trả	1.005.015.601	1.005.015.601	1.005.015.601
	47.043.023.648	47.043.023.648	47.043.023.648
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	56.449.754.141	56.449.754.141	56.449.754.141
Chi phí phải trả	713.830.040	713.830.040	713.830.040
	57.163.584.181	57.163.584.181	57.163.584.181

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD), Nhân dân tệ (CNY) và Kíp Lào (LAK).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014			31/12/2013		
	USD	CNY	LAK	USD	CNY	LAK
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.901	89.804	1.000.000	30.018	41.521	1.000.000
Phải trả người bán	-	(1.602.782)	-	-	(12.083.995)	-
	21.901	(1.512.978)	1.000.000	30.018	(12.042.474)	1.000.000

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2014	31/12/2013
USD/VND	21.246,00	21.036,00
CNY/VND	3.430,00	3.475,00
LAK/VND	2,80	2,63

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 3%)	13.959.259
CNY (mạnh thêm 5%)	(259.475.899)
LAK (mạnh thêm 5%)	140.000
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 3%)	18.943.759
CNY (mạnh thêm 5%)	(2.092.379.858)
LAK (mạnh thêm 5%)	131.500

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	100.000.000.000	29.318.503.548

Do vậy, biến động về lãi suất không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

(iii) *Các rủi ro thị trường khác*

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	130.403	130.403	53.318	53.318
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.393	(*)	123.484	(*)
▪ Các tài sản tài chính khác	11.218	(*)	11.218	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(47.043)	(*)	(57.164)	(*)
	226.971		130.856	

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a- DN

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây		
Bán hàng hóa	6.121.304.018	1.157.427.524
Mua hàng hóa và dịch vụ	321.566.000	73.568.000
Nhận cổ tức	-	459.120.000
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam		
Bán hàng hóa	40.950.000	141.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.120.144.990	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.417.482.380	1.791.569.180
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	135.000.000	520.000.000

24. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	107.024.139.300	32.153.309.850

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	237.437.670.976	188.686.558.574
Chi phí nhân công	37.301.920.462	26.367.071.426
Chi phí khấu hao	4.812.369.962	5.068.541.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.857.734.424	18.474.793.382
Chi phí khác	2.641.636.442	1.620.070.578

Người lập:



Nguyễn Thị Như Quỳnh
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Phan Thế Tý
 Kế toán trưởng



Trần Kim Liên
 Tổng Giám đốc

13 -08- 2014